

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/DS-ST
Ngày: 16 - 8 - 2023
*V/v tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng
đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Hoàng.
- Ông Huỳnh Phước Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 492/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2023/QĐST-DS ngày 26/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1968; địa chỉ: số B, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

* Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Cẩm T, sinh năm: 1985; địa chỉ: số H, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2023). (có mặt)

- Bị đơn: 1. Ông Trần Văn B, sinh năm: 1956. (có mặt).

- Bà Lê Thị D, sinh năm: 1954. (vắng mặt).
- Anh Trần Minh H1, sinh năm: 1975. (vắng mặt).
- Anh Trần Minh H2, sinh năm: 1979. (vắng mặt).
- Chị Trần Thị Ngọc T1, sinh năm: 1986. (vắng mặt).
- Anh Trần Minh T2, sinh năm: 1989. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số B, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn T3, sinh năm: 1995; địa chỉ: Số B, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Huỳnh Thị Cẩm T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Vào năm 2007, do là chỗ quen biết nhau từ trước nên khi biết gia đình ông B cần tiền nên có ý định chuyển nhượng một phần đất để lấy tiền chi xài nên bà H đã thỏa thuận để mua. Theo đó, hộ gia đình của ông B đã thống nhất chuyển nhượng cho bà H diện tích đất ngang 08m chạy dài hết đất thuộc một phần thửa đất số 217, tờ bản đồ số 07a, với giá là 37.000.000đ. Sau khi thỏa thuận chuyển nhượng xong, ông B đã làm thủ tục tách thửa 217 thành 02 thửa gồm thửa 397 diện tích 1.566m² và thửa 398 diện tích là 428m² (ngang 8m x dài hết đất theo thỏa thuận chuyển nhượng). Khi làm thủ tục tách thửa xong thì hộ ông B gồm: ông Trần Văn B, bà Lê Thị D, anh Trần Minh H1, anh Trần Minh H2, chị Trần Thị Ngọc T1 và anh Trần Minh T2 đã lập hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất tại thửa 398 cho bà Nguyễn Thị Kim H, Hợp đồng được UBND xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp chứng thực số 11 quyền số 1 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 27/7/2007 đến ngày 12/9/2007 UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK093808, số vào sổ cấp GCN: H01166 thửa đất số 398, tờ bản đồ 07a, địa chỉ thửa đất: ấp A, xã M, huyện L cho bà Nguyễn Thị Kim H và bà H đã giao đủ số tiền chuyển nhượng cho ông B. Vào ngày 24/3/2009, bà H làm đơn xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 27/04/2011, bà H được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 383528, số vào sổ cấp GCN: CH01528 đổi thửa 398 tờ bản đồ số 07a diện tích 428m² đất trồng cây lâu năm thành thửa 47 tờ bản đồ số 22 diện tích 430,1m² đất trồng cây lâu năm. Việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H cơ quan cấp giấy có tiến hành đo đạc và những hộ giáp ranh trong đó có ông Bi ký t xác nhận. Do chưa có nhu cầu sử dụng đất nên phần đất nhận chuyển nhượng từ ông B bà H còn để trống, đến khoảng tháng 06/2022, bà H đến cuốn nền để chuẩn bị cất nhà thì ông B ngăn cản. Ông B cho rằng chỉ chuyển nhượng cho bà H diện tích đất ngang 06m dài hết đất nên ngăn cản không cho bà H sử dụng đất nên hai bên xảy ra tranh chấp. Nay bà H yêu cầu hộ ông B gồm: Ông Trần Văn B, bà Lê Thị D, anh Trần Minh H1, anh Trần Minh H2, chị Trần Thị Ngọc T1 và anh Trần Minh T2 phải có nghĩa vụ giao đủ diện tích đất đã chuyển nhượng thuộc thửa 47 tờ bản đồ số 22 diện tích 430,1m² (đo đạc thực tế là 425,3m²) trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 14/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

- Tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Văn B trình bày như sau: Thừa nhận vào năm 2007, do cần tiền nên gia đình ông B đã thỏa thuận chuyển nhượng một phần đất tại số 217, tờ bản đồ số 07a, đất tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện L cho bà Nguyễn Thị Kim H với giá là 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng). Hai bên thỏa thuận

chuyển nhượng chiều ngang là 6m đo từ giáp đất bà S đo qua và chiều dài hết đất của ông B. Khi ông B nhận đủ số tiền chuyển nhượng đất là 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng) thì ông B giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H đi làm thủ tục sang tên, lợi dụng việc làm thủ tục sang tên bà H đã làm thủ tục chuyển nhượng là gia đình ông B chuyển nhượng cho bà H ngang 8m chạy dài hết đất mà gia đình ông B không hề hay biết. Sau khi bà H làm xong các thủ tục thì ông B, vợ và các con đã ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/7/2007 để sang tên cho bà H đứng tên. Tuy nhiên, ông B cho rằng do trong hợp đồng không ghi kích thước đất chuyển nhượng mà chỉ ghi diện tích đất chuyển nhượng là 428m² nên gia đình đã nhầm tưởng diện tích đất chuyển nhượng ngang 6m có diện tích là như trên không có ý kiến gì. Đến năm 2022, bà H kêu người bán đất và nói diện tích đất có chiều ngang là 08m thì gia đình ông B mới biết phần đất chuyển nhượng cho bà H là ngang 08m chứ không phải là ngang 06m như hai bên đã thỏa thuận nên hai bên xảy ra tranh chấp. Việc ông B thỏa thuận chuyển nhượng diện tích đất là ngang 06m dài hết đất thì ông B không có chứng cứ để chứng minh. Ông B thừa nhận khi bà H làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông B có ký tên giáp ranh nhưng ông B không là để xác định gia đình ông B chuyển nhượng cho bà H diện tích đất là 06m chạy dài hết đất chứ không phải là chuyển nhượng cho bà H phần đất ngang 08m. Nay ông B chỉ đồng ý tiếp tục thực hiện một phần hợp đồng chuyển nhượng với bà H với diện tích đất là ngang 06m chạy dài hết đất theo sơ đồ đo đạc ngày 14/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có diện tích là 319,8m² trong phạm vi các mốc là M1, M4, M5, M6, M7 về M1, diện tích đất còn lại là ngang 2m chạy dài hết đất có diện tích là 105,5m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 về M1 thì gia đình ông B không có chuyển nhượng cho bà H nên ông B không đồng ý.

- Các bị đơn gồm bà Lê Thị D, anh Trần Minh H1, anh Trần Minh H2, chị Trần Thị Ngọc T1 và anh Trần Minh T2 từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T3 từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng tư cách đương sự và quan hệ tranh chấp. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích đất đã chuyển nhượng theo hợp đồng do đó, xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Diện tích đất tranh chấp và bị đơn ở tại **huyện L, tỉnh Đồng Tháp** nên theo quy định Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn là bà **Lê Thị D**, anh **Trần Minh H1**, anh **Trần Minh H2**, chị **Trần Thị Ngọc T1**, anh **Trần Minh T2** và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh **Trần Văn T3** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điều 227 và Điều 228 xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Bà **H** và ông **B** đều thừa nhận vào ngày 27/7/2007, bà **H** và gia đình ông **B** có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa 398, tờ bản đồ số 7a với giá là 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng). Hợp đồng được **UBND xã M** chứng thực số 11 quyền số 01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 27/7/2007, hai bên đã giao nhận tiền xong. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.2] Giữa bà **H** và với hộ gia đình ông **B** xảy ra tranh chấp là do hai bên không thống nhất được với nhau về diện tích đất chuyển nhượng, cụ thể: Bà **H** cho rằng hộ ông **B** chuyển nhượng cho bà **H** diện tích đất ngang 8m x dài hết đất là toàn bộ thửa đất số 398, tờ bản đồ số 7a có diện tích là 428m² (nay đo đạc thực tế là 425,3m²) theo hợp đồng chuyển nhượng mà hai bên đã ký. Còn ông **B** cho rằng chỉ chuyển nhượng cho bà **H** diện tích đất ngang 06m chạy dài hết đất nên ông **B** chỉ đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cho bà **H** diện tích đất ngang 06m chạy dài hết đất. Xét thấy:

[2.2.1] Căn cứ vào hồ sơ tách thửa đất số 217 thấy: Vào ngày 07/5/2007, ông **Trần Văn B** làm đơn xin tách thửa đất số 217, tờ bản đồ số 7a thành thửa đất số 397 diện tích 1.566m² và thửa 398 diện tích 428m². Về thủ tục tách thửa thể hiện có đo đạc và những hộ giáp ranh liền kề có ký tên xác nhận. Sau khi UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 397 và thửa 398 thì đến ngày 27/7/2007 hộ ông **Trần Văn B** đã làm hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất tại thửa 398, tờ bản đồ số 7a là 428m² cho bà **Nguyễn Thị Kim H**. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được **UBND xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp** chứng thực số 11 quyền số 1 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 27/7/2007. Đến ngày 12/9/2007, **UBND huyện L** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **Nguyễn Thị Kim**

H. Tại trích lục bản đồ địa chính số 5096/TĐ.BĐ thể hiện thửa đất số 398 có kích thước giáp đường đan và sau hậu là 08m dài hết đất, diện tích là 428m².

[2.2.2] Căn cứ vào hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa 398, tờ bản đồ số 07a thành thửa 47 tờ bản đồ số 22 diện tích là 430,1m² và được **UBND huyện L** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **Nguyễn Thị Kim H** vào ngày 27/4/2011, thể hiện khi làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cơ quan chuyên môn có tiến hành đo đạc thể hiện kích thước cạnh giáp đường bê tông là 8,03m, cạnh giáp đất ông **B** là 54,85m, cạnh giáp đất ông **L** (sau hậu) là 8,22m, cạnh giáp đất ông **L** và bà **S** là 57,97m và những người giáp ranh trong đó có ông **Trần Văn B** ký tên xác nhận ranh giới quyền sử dụng đất giữa các thửa đất.

[2.2.3] Tại Công văn số 33/UBND-NC ngày 13/3/2023, **UBND huyện L** cung cấp thông tin: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **H** vào ngày 12/9/2007 là căn cứ vào hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cấp cho bà **H** vào ngày 27/4/2011 là cấp đổi. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **H** về trình tự thủ tục đảm bảo đúng quy định của pháp luật và khi cấp giấy, cũng như cấp đổi cho bà **H** đều có tiến hành đo đạc và những hộ giáp ranh có ký tên xác định ranh đất.

[2.3] Từ những phân tích nêu trên có căn cứ xác định diện tích đất mà gia đình ông **B** chuyển nhượng cho gia đình của bà **H** là ngang 8m x dài hết diện tích (toàn bộ thửa đất số 398) theo đo đạc thực tế là 425,3m², trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 14/02/2023 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện L** như phía nguyên đơn trình bày nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông **B** cho rằng chỉ chuyển nhượng cho bà **H** diện tích đất ngang 06m dài hết đất là không có căn cứ nên không chấp nhận. Do đó, cần buộc hộ gia đình ông **B** phải có nghĩa vụ giao đủ diện tích đất đã chuyển nhượng là toàn bộ thửa đất số 398 (nay là thửa 47, tờ bản đồ số 22) cho bà **Nguyễn Thị Kim H** mới phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên hộ của ông **B** phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng: Số tiền đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc là 2.385.000đ (Hai triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo quy định tại điều 157, Điều 158, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự hộ gia đình của ông **B** phải chịu toàn bộ số tiền này. Số tiền này bà **H** đã nộp tạm ứng và chi xong nên hộ gia đình của ông **B** phải nộp lại để trả cho bà **H**.

[5] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò là phù hợp như đã phân tích ở trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 37; Điều 39, Điều 91; Điều 92, Điều 93; Điều 147, Điều 157, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 697, Điều 698, Điều 699, Điều 700, Điều 701, Điều 702 Bộ luật dân sự 2005 và điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 99, Điều 167, Điều 203 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H.

1.1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp chứng thực số 11, quyền số 1 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 27/7/2007 có hiệu lực pháp luật.

1.2. Buộc hộ gia đình ông Trần Văn B, gồm: Ông Trần Văn B, bà Lê Thị D, anh Trần Minh H1, anh Trần Minh H2, chị Trần Thị Ngọc T1, anh Trần Văn T4 và anh Trần Văn T3 có nghĩa vụ giao đủ diện tích chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Kim H qua đo đạc thực tế là 425,3m², mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 14/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 383528 số vào sổ CH 01528 ngày 27/4/2011 cho bà Nguyễn Thị Kim H được quản lý sử dụng.

1.3. Bà Nguyễn Thị Kim H được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất qua đo đạc thực tế là 425,3m², mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 14/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 22 đất tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 383528 số vào sổ CH 01528 ngày 27/4/2011 cho bà Nguyễn Thị Kim H.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/01/2023 của Tòa án và sơ đồ đo đạc phân đất tranh chấp ngày 14/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

2. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn B, bà Lê Thị D, anh Trần Minh H1, anh Trần Minh H2, chị Trần Thị Ngọc T1, anh Trần Văn T4 và anh Trần Văn T3 phải liên đới nộp số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc là 2.385.000đ (Hai triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng) để trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Trần Văn B, bà Lê Thị D, anh Trần Minh H1, anh Trần Minh H2, chị Trần Thị Ngọc T1, anh Trần Văn T4 và anh Trần Văn T3 phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

3.2. Bà **Nguyễn Thị Kim H** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà **H** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0013813 ngày 18/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội